

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
*cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016*  
*đã được kiểm toán*



**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>2 - 3</b>
<b>Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	<b>4</b>
<b>Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán</b>	<b>5 - 43</b>
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 - 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 43

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Ô tô TMT (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

### **KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Ô tô TMT trước đây là Công ty Thương mại và Sản xuất vật tư Thiết bị giao thông vận tải, thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam, được chuyển đổi hình thức sở hữu sang Công ty cổ phần theo Quyết định số 870/QĐ-BGTVT ngày 14 tháng 4 năm 2006 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014956 lần đầu ngày 14 tháng 12 năm 2006 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi với mã số doanh nghiệp là 0100104563 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Hoạt động chính của Công ty mẹ và các công ty con trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là:

- Sản xuất, lắp ráp và kinh doanh xe ô tô các loại;
- Sản xuất các sản phẩm cơ khí, kết cấu thép, các loại cột điện và dầm cầu phục vụ giao thông;
- Sản xuất các cấu kiện thép và bê tông cốt thép;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành;
- Buôn bán ô tô và xe có động cơ khác: Chi tiết Buôn bán phương tiện vận tải đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Dịch vụ kho vận, đại lý vận tải, dịch vụ cung cấp xăng dầu, phụ tùng, vật tư;
- Dịch vụ hoán cải sửa chữa, cải tạo phương tiện cơ giới đường bộ;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Dịch vụ trông xe ô tô;
- Đào tạo lái xe, đào tạo công nhân kỹ thuật và bồi dưỡng nghiệp vụ (chỉ hoạt động sau khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Bùi Văn Hữu	Chủ tịch;	
Ông Bùi Quốc Công	Ủy viên;	
Ông Ngô Văn Hân	Ủy viên;	
Ông Trần Văn Hà	Ủy viên;	
Ông Bùi Văn Kiên	Ủy viên;	
Ông Bùi Quốc Hưng	Ủy viên;	
Ông Vũ Đình Phóng	Ủy viên;	Bỏ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2016;
Ông Phạm Văn Hồng	Ủy viên.	Miễn nhiệm ngày 03 tháng 3 năm 2016.

## CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ TRƯỞNG PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Trưởng phòng Tài chính Kế toán trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Bùi Văn Hữu	Tổng Giám đốc;	
Ông Bùi Quốc Công	Phó Tổng Giám đốc;	
Ông Trần Văn Hà	Phó Tổng Giám đốc;	
Ông Tiêu Phi Quang	Phó Tổng Giám đốc;	
Ông Trịnh Xuân Nhâm	Phó Tổng Giám đốc;	
Ông Phạm Hoàng Long	Phó Tổng Giám đốc;	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 3 năm 2016
Ông Phạm Hoàng Long	Phó Tổng Giám đốc;	Miễn nhiệm ngày 05 tháng 10 năm 2016
Ông Phạm Văn Hồng	Phó Tổng Giám đốc;	Miễn nhiệm ngày 03 tháng 3 năm 2016
Ông Ngô Văn Hân	Trưởng phòng Tài chính Kế toán.	

### KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2017

**TM. Ban Tổng Giám đốc**

**Tổng Giám đốc**



**Bùi Văn Hữu**



Số : 31./2017/BCKT-AASCN

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Ô tô TMT, được lập ngày 20 tháng 02 năm 2017, từ trang 05 đến trang 43, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### *Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc*

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### *Ý kiến của kiểm toán viên*

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Ô tô TMT tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn  
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

**Phó Giám đốc**



**Bùi Ngọc Hà**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0662-2013-152-1

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2017

**Kiểm toán viên**

**Trần Thị Mai**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2510-2013-152-1

#### Headquarters

29 Hoang Sa Str., Dist. 1, Hochiminh City  
Tel: (84-08) 3910 4881 \*Fax: (84-08) 3910 4880  
Email: infohcm@aascn.com.vn Web: www.aascn.com.vn

#### Branch in Hanoi

No15, Alley 640, Lang Road, Dong Da Dist., Hanoi  
Tel: (84-04) 3793 1428 \*Fax: (84-04) 3793 1429  
Email: admin@namviethn.vn

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.670.793.220.930</b>	<b>1.680.763.995.087</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>14.504.936.934</b>	<b>25.832.591.284</b>
1.	Tiền	111	V.01	10.884.936.934	22.212.591.284
2.	Các khoản tương đương tiền	112		3.620.000.000	3.620.000.000
<b>II.</b>	<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>	<b>350.000.000</b>	<b>350.000.000</b>
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		0	0
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		0	0
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		350.000.000	350.000.000
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>207.298.254.906</b>	<b>83.882.415.612</b>
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	68.005.038.619	35.542.445.096
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		29.141.102.430	30.775.374.869
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.04	13.195.500.000	11.325.500.000
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	101.730.632.655	13.151.041.450
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.06	(4.774.018.798)	(7.060.227.991)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		0	148.282.188
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.07</b>	<b>1.436.111.410.279</b>	<b>1.531.003.643.040</b>
1.	Hàng tồn kho	141		1.437.375.014.032	1.532.298.948.371
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(1.263.603.753)	(1.295.305.331)
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>12.528.618.811</b>	<b>39.695.345.151</b>
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12	8.381.210.215	5.411.187.000
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.128.616.251	33.817.898.111
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.17	18.792.345	466.260.040
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		0	0
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		0	0

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>351.104.158.275</b>	<b>315.349.146.563</b>
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.03	0	0
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.05	0	0
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>179.782.889.638</b>	<b>78.926.420.483</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	179.782.889.638	78.921.706.733
	- Nguyên giá	222		308.715.561.547	200.363.126.619
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(128.932.671.909)	(121.441.419.886)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		0	0
	- Nguyên giá	225		0	0
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		0	0
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.10	0	4.713.750
	- Nguyên giá	228		158.939.000	158.939.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(158.939.000)	(154.225.250)
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>V.11</b>	<b>5.382.305.411</b>	<b>5.472.632.671</b>
1.	Nguyên giá	231		7.938.225.549	7.369.427.959
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(2.555.920.138)	(1.896.795.288)
<b>IV.</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.08</b>	<b>128.379.937.605</b>	<b>192.419.511.863</b>
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		0	0
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		128.379.937.605	192.419.511.863
<b>V.</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.02</b>	<b>500.510.300</b>	<b>500.441.000</b>
1.	Đầu tư vào công ty con	251		0	0
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		0	0
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		501.073.530	501.073.530
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(563.230)	(632.530)
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		0	0
<b>VI.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>37.058.515.321</b>	<b>38.030.140.546</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	24.714.865.739	24.055.677.841
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	84.347.642	71.330.754
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		103.012.295	10.229.500
4.	Tài sản dài hạn khác	268		0	0
5.	Lợi thế thương mại	269	V.14	12.156.289.645	13.892.902.451
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>2.021.897.379.205</b>	<b>1.996.113.141.650</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C.</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.592.202.799.571</b>	<b>1.605.814.719.593</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.511.036.649.569</b>	<b>1.566.787.205.955</b>
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.16	207.152.178.906	243.133.636.222
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		96.843.146.704	134.959.221.293
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	17.089.859.052	24.015.188.563
4.	Phải trả người lao động	314		4.895.471.370	4.971.933.183
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	8.040.746.143	12.363.836.049
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		0	0
7.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		0	0
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		0	0
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	8.697.509.291	10.030.522.627
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	1.160.818.126.291	1.133.744.358.648
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		0	0
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.499.611.812	3.568.509.370
13.	Quỹ bình ổn giá	323		0	0
14.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		0	0
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>81.166.150.002</b>	<b>39.027.513.638</b>
1.	Phải trả người bán dài hạn	331	V.16	0	0
2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332		0	0
3.	Chi phí phải trả dài hạn	333	V.18	0	0
4.	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		0	0
5.	Phải trả nội bộ dài hạn	335		0	0
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		0	0
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.19	17.349.400.000	14.710.400.000
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15	63.816.750.002	24.317.113.638
9.	Trái phiếu chuyển đổi	339		0	0
10.	Cổ phiếu ưu đãi	340		0	0
11.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		0	0
12.	Dự phòng phải trả dài hạn	342		0	0
13.	Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		0	0



**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D.</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>429.694.579.634</b>	<b>390.298.422.057</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.20</b>	<b>429.694.579.634</b>	<b>390.298.422.057</b>
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		372.876.800.000	308.391.170.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		372.876.800.000	308.391.170.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		0	0
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		956.560.833	956.560.833
3.	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		0	0
4.	Vốn khác của chủ sở hữu	414		483.226.387	483.226.387
5.	Cổ phiếu quỹ (*)	415		(8.680.989.647)	(8.680.989.647)
6.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		0	0
7.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		0	0
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		15.467.214.755	5.959.936.802
9.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		0	0
10.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		0	0
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		12.323.852.956	69.997.361.343
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		0	0
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		12.323.852.956	69.997.361.343
12.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		0	0
13.	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		36.267.914.350	13.191.156.339
<b>II.</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1.	Nguồn kinh phí	431		0	0
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		0	0
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>2.021.897.379.205</b>	<b>1.996.113.141.650</b>

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2017

Người lập biểu

Trưởng phòng Tài chính Kế toán

Tổng Giám đốc



Hoàng Thị Loan



Ngô Văn Hân



Bùi Văn Hữu

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Năm 2016

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	2.528.293.359.620	3.365.048.174.478
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	331.412.963	0
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2.527.961.946.657	3.365.048.174.478
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.03	2.237.306.118.983	2.899.208.966.822
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		290.655.827.674	465.839.207.656
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	2.855.433.881	3.063.790.766
7.	Chi phí tài chính	22	VI.05	108.446.237.327	87.301.035.454
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		101.923.672.422	38.224.873.147
8.	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		0	0
9.	Chi phí bán hàng	25	VI.08	70.820.416.628	76.980.814.581
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.08	57.691.315.675	66.465.113.266
11.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		56.553.291.925	238.156.035.121
12.	Thu nhập khác	31	VI.06	10.344.328.469	4.590.628.153
13.	Chi phí khác	32	VI.07	5.277.610.523	8.140.158.787
14.	Lợi nhuận khác	40		5.066.717.946	(3.549.530.634)
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		61.620.009.871	234.606.504.487
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	13.395.642.894	47.900.537.509
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.10	(13.016.888)	(71.330.754)
18.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		48.237.383.865	186.777.297.732
19.	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		47.589.636.091	186.624.647.792
20.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		647.747.774	152.649.940
21.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	1.290	4.482
22.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.12	1.290	4.482

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2017

Người lập biểu

Trưởng phòng Tài chính Kế toán

Tổng Giám đốc






Hoàng Thị Loan

Ngô Văn Hân

Bùi Văn Hữu

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		2.655.920.081.110	3.726.764.670.169
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(2.230.699.226.962)	(3.879.242.200.641)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(92.942.361.446)	(100.896.015.608)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04		(102.799.438.336)	(35.561.497.597)
5.	Thuế TNDN đã nộp	05		(20.064.278.221)	(33.579.217.587)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		21.413.936.404	68.354.398.501
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(194.669.842.207)	(453.758.057.699)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>36.158.870.342</b>	<b>(707.917.920.462)</b>
<b>II.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(140.293.770.966)	(74.336.155.220)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		8.231.895.455	5.947.818.182
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2.220.000.000)	(10.150.000.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		350.000.000	10.642.500.000
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		0	0
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		0	0
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		411.458.842	995.740.147
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(133.520.416.669)</b>	<b>(66.900.096.891)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		19.459.860.000	0
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		0	0
3.	Tiền thu từ đi vay	33		2.453.323.131.102	4.183.691.818.280
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(2.386.749.727.095)	(3.306.167.453.392)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		0	0
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		0	(118.485.821.750)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>86.033.264.007</b>	<b>759.038.543.138</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(11.328.282.320)</b>	<b>(15.779.474.215)</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>25.832.591.284</b>	<b>41.612.128.847</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		627.970	(63.348)
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>14.504.936.934</b>	<b>25.832.591.284</b>

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2017

Người lập biểu

Trưởng phòng Tài chính Kế toán

Tổng Giám đốc



Hoàng Thị Loan



Ngô Văn Hân



Bùi Văn Hữu

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Năm 2016**

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**01. Hình thức sở hữu vốn**

Là Công ty cổ phần.

**02. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty mẹ và Công ty con là sản xuất, xây dựng, thương mại và dịch vụ.

**03. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty mẹ và công ty con trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm:

- Sản xuất, lắp ráp và kinh doanh xe ô tô các loại;
- Sản xuất các sản phẩm cơ khí, kết cấu thép, các loại cột điện và dầm cầu phục vụ giao thông;
- Sản xuất các cấu kiện thép và bê tông cốt thép;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành;
- Buôn bán ô tô và xe có động cơ khác: Chi tiết Buôn bán phương tiện vận tải đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Dịch vụ kho vận, đại lý vận tải, dịch vụ cung cấp xăng dầu, phụ tùng, vật tư;
- Dịch vụ hoán cải sửa chữa, cải tạo phương tiện cơ giới đường bộ;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Dịch vụ trông xe ô tô;
- Đào tạo lái xe, đào tạo công nhân kỹ thuật và bồi dưỡng nghiệp vụ (chỉ hoạt động sau khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép).

**04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường đối với hoạt động sản xuất, lắp ráp xe ô tô các loại của Công ty khoảng từ 04 tháng đến 06 tháng. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của các hoạt động khác của Công ty mẹ và Công ty con là dưới 12 tháng.

**05. Cấu trúc doanh nghiệp**

- Danh sách Công ty con được hợp nhất gồm:

<u>Tên công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ tại ngày cuối năm</u>	<u>Quyền biểu quyết của Công ty mẹ</u>	
			<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Ô tô số 8	Số 5, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội	57,06%	57,06%	54,17%
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Tư vấn thiết kế 30-4	Số 1053 Tô dân phố Kiên Trung, thị trấn Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm, TP. Hà Nội	89,28%	89,28%	68,11%
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Dịch vụ số 8 (*)	Số 7 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	47,12%	60,00%	0%

## CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(\*): Công ty Cổ phần Kinh doanh và Dịch vụ số 8 được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107670751 ngày 19 tháng 12 năm 2016 với vốn điều lệ là 40.946.330.000 đồng, trong đó Công ty Cổ phần Ô tô TMT cam kết góp 30%, Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Ô tô số 8 (Công ty con của Công ty Cổ phần Ô tô TMT) cam kết góp 30%. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty Cổ phần Kinh doanh và Dịch vụ số 8 chưa phát sinh hoạt động nào.

- Danh sách các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc gồm:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Ô tô TMT tại Hưng Yên - Nhà máy ô tô Cửu Long	Xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Chi nhánh Công ty Cổ phần Ô tô TMT tại Hưng Yên - Nhà máy xe khách, xe buýt TMT	Xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Chi nhánh Công ty Cổ phần Ô tô TMT tại Thành phố Hồ Chí Minh	Số 1454 Quốc lộ 1A, phường Thới An, Quận 12, thành phố Hồ Chí Minh

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

### 02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 01. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;

## CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm tài chính.

#### 02. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

#### 03. Các khoản đầu tư tài chính

##### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

##### *Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp.

Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các năm sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

#### 04. Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

#### 05. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### 06. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí

## CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

#### **07. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

##### *Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình*

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

##### *Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình*

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 27 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 07 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- TSCĐ hữu hình khác	03 - 08 năm
- Phần mềm máy tính	03 năm

Riêng quyền sử dụng đất lâu dài không tính khấu hao.

#### **08. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư**

##### *Nguyên giá*

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Các chi phí phát sinh sau khi đưa bất động sản đầu tư vào sử dụng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt mức hoạt động tiêu chuẩn được đánh giá ban đầu thì các khoản chi phí này được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

##### *Khấu hao*

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Nhà cửa	04 - 15 năm
-----------	-------------

#### **09. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.



Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### **10. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### **11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

#### **12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

#### **13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội

## **CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

#### **14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

##### ***Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

##### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

##### ***Doanh thu hợp đồng xây dựng***

Hợp đồng xây dựng mà Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

##### ***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

#### **15. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản

## CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

#### 16. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong năm.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với Doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

#### 17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Chiết khấu thanh toán cho người mua, lãi mua hàng trả chậm;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán;
- Các chi phí khác.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

#### 18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

#### 19. Các nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất

##### *Phương pháp ghi nhận lợi ích cổ đông không kiểm soát:*

Trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ, lợi ích cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản thuần của các Công ty con được xác định và trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con.

##### *Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ:*

##### **Loại trừ ảnh hưởng của giao dịch bán hàng tồn kho:**

Doanh thu và giá vốn của hàng tiêu thụ trong nội bộ hệ thống phải được loại trừ toàn bộ. Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch bán hàng đang phản ánh trong giá trị của hàng tồn kho cũng phải được loại trừ hoàn toàn.

## CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Lãi hoặc lỗ chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho cuối kỳ phải được loại trừ khỏi giá trị hàng tồn kho cuối năm, đồng thời lãi hoặc lỗ chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho đầu năm cũng phải được loại trừ khỏi giá vốn hàng bán trong năm.

Nếu đến cuối năm kế toán bên mua hàng vẫn chưa trả hết tiền thì khoản mục phải thu của khách hàng và khoản mục phải trả cho người bán trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ cũng phải loại trừ số tiền còn nợ giữa các đơn vị trong hệ thống.

Việc loại trừ lãi chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho cuối năm phát sinh từ giao dịch bán hàng giữa các đơn vị trong nội bộ hệ thống sẽ làm cho giá trị ghi sổ của hàng tồn kho cuối năm trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nhỏ hơn cơ sở tính thuế của nó. Trường hợp này sẽ phát sinh một khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Thuế thu nhập doanh nghiệp”. Khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ này sẽ làm phát sinh tài sản thuế thu nhập hoãn lại, đồng thời làm giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại trong năm của cả hệ thống. Do đó, kế toán phải phản ánh tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

#### **Loại trừ cổ tức công ty mẹ được chia từ lợi nhuận sau ngày mua của công ty con:**

Toàn bộ cổ tức được chia từ lợi nhuận sau ngày mua từ các công ty con trong hệ thống phải được loại trừ hoàn toàn trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Nếu công ty mẹ chưa nhận được số cổ tức hoặc lợi nhuận được chia này do công ty con chưa chuyển tiền thì khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phải loại trừ số phải thu, phải trả về số cổ tức lợi nhuận được chia đang phản ánh trong khoản mục phải thu khác trong Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và khoản mục phải trả khác trong Báo cáo tài chính của các công ty con.

## **V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

*Đơn vị tính: VND*

### **01. Tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	309.845.553	354.245.318
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.575.091.381	21.858.345.966
- Tiền đang chuyển	0	0
<b>Cộng</b>	<b><u>10.884.936.934</u></b>	<b><u>22.212.591.284</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**  
 Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội  
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

**02. Các khoản đầu tư tài chính**

Đơn vị tính: VND

**a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư ngắn hạn	350.000.000	350.000.000	350.000.000	350.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	350.000.000	350.000.000	350.000.000	350.000.000
Đầu tư dài hạn	0	0	0	0
<b>Cộng</b>	<b>350.000.000</b>	<b>350.000.000</b>	<b>350.000.000</b>	<b>350.000.000</b>

**b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào đơn vị khác	501.073.530	500.510.300	501.073.530	500.441.000
- Công ty Cổ phần thiết bị Bưu điện (POT)	679.000	453.600	679.000	362.400
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín	394.530	56.700	394.530	78.600
- Công ty Cổ phần Vật tư kỹ thuật và Vận tải ô tô	500.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>501.073.530</b>	<b>500.510.300</b>	<b>501.073.530</b>	<b>500.441.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**03. Phải thu của khách hàng**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>68.005.038.619</b>	<b>35.542.445.096</b>
- Công ty TNHH Kerry Integrated Logistics	0	13.980.000.000
- Công ty Cổ phần AIA Hà Nội	11.504.037.000	6.268.739.000
- Ban quản lý dự án 3	18.041.798.599	4.628.694.187
- Coelme Construzioni Elettromeccaniche S.P.A (khách hàng Ý)	416.133.329	1.285.535.691
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ An Sương	7.543.370.500	0
- Doanh nghiệp tư nhân thương mại Ninh Hải	4.659.605.091	0
- Công ty Cổ phần ô tô Hải Dương	17.045.261.575	0
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	8.794.832.525	9.379.476.218
<b>b. Phải thu của khách hàng dài hạn</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>Cộng</b>	<b>68.005.038.619</b>	<b>35.542.445.096</b>

**04. Phải thu về cho vay**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>13.195.500.000</b>	<b>0</b>	<b>11.325.500.000</b>	<b>0</b>
- Cho cán bộ công nhân viên vay <sup>(a)</sup>	13.195.500.000	0	11.325.500.000	0
<b>b. Dài hạn</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>Cộng</b>	<b>13.195.500.000</b>	<b>0</b>	<b>11.325.500.000</b>	<b>0</b>

(a) Khoản cho cán bộ công nhân viên của Công ty vay với lãi suất bằng lãi suất cho vay ngắn hạn hiện hành của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam tại từng thời điểm cộng 1%/năm.

**05. Phải thu khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>101.730.632.655</b>	<b>(3.836.585.962)</b>	<b>13.151.041.450</b>	<b>(4.336.585.962)</b>
- Phải thu của người lao động	1.948.478.077	0	0	0
- Tạm ứng	3.062.554.605	0	3.161.317.320	0
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	88.946.048.120	0	2.423.716.507	0
+ Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Tân Nhã Vinh (*)	84.000.000.000	0	0	0
+ Đối tượng khác	4.946.048.120	0	2.423.716.507	0
- Phải thu khác	7.773.551.853	(3.836.585.962)	7.566.007.623	(4.336.585.962)
+ Lãi dự thu về cho vay	2.124.062.570	0	1.161.395.070	0
+ Công ty TNHH TM&SX Thiên Trường An	0	0	1.000.000.000	(500.000.000)
+ Phải thu ông Phạm Văn Công	3.000.500.000	(3.000.500.000)	3.000.500.000	(3.000.500.000)
+ Phải thu các đối tượng khác	2.648.989.283	(836.085.962)	2.404.112.553	(836.085.962)
<b>b. Dài hạn</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>Cộng</b>	<b>101.730.632.655</b>	<b>(3.836.585.962)</b>	<b>13.151.041.450</b>	<b>(4.336.585.962)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

- (\*): Khoản đặt cọc tiền mua quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số tiền 84.000.000.000 đồng của Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Tân Nhã Vinh tại thửa đất số 698, 699 tờ bản đồ số 8 xã Tân Thới Hiệp H.HM phường Thới An, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh. Đến ngày 03 tháng 01 năm 2017, Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nêu trên.

Đơn vị tính: VND

**06. Nợ xấu**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Ông Phạm Văn Công	3.000.500.000	0	3.000.500.000	0
- Nhà máy cơ khí 120	500.000.000	0	500.000.000	0
- Công ty TNHH TM&SX Thiên Trường An	0	0	1.000.000.000	500.000.000
- Công ty TNHH Eunsung	0	0	587.230.880	0
- Công ty CP Đầu Tư Xây Dựng và Phát Triển Kỹ Nghệ Việt Nam	1.342.966.056	671.483.028	0	0
- Các đối tượng khác	989.029.030	386.993.260	3.131.593.610	659.096.499
<b>Cộng</b>	<b>5.832.495.086</b>	<b>1.058.476.288</b>	<b>8.219.324.490</b>	<b>1.159.096.499</b>

**07. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng mua đang đi đường	25.169.645	0	14.907.167.181	0
- Nguyên liệu, vật liệu	130.798.330.163	(847.020.686)	239.158.835.354	(1.295.305.331)
- Công cụ, dụng cụ	162.179.174	0	72.081.453	0
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	138.105.466.832	0	93.502.485.919	0
- Thành phẩm	416.527.071.593	(82.354.655)	428.120.277.218	0
- Hàng hoá	122.363.845.038	(334.228.412)	189.580.689.321	0
- Hàng gửi bán	629.392.951.587	0	566.957.411.925	0
<b>Cộng</b>	<b>1.437.375.014.032</b>	<b>(1.263.603.753)</b>	<b>1.532.298.948.371</b>	<b>(1.295.305.331)</b>

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm là 823.950.000.000 đồng.

**08. Tài sản dở dang dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>		
- Mua sắm	0	690.909.091
- Xây dựng cơ bản	128.379.937.605	191.728.602.772
+ Dự án mở rộng đầu tư Nhà máy lắp ráp xe ô tô	122.490.531.573	191.248.215.076
+ Công trình khác	5.889.406.032	480.387.696
<b>Cộng</b>	<b>128.379.937.605</b>	<b>192.419.511.863</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**  
Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình								
Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng		
<b>I. Nguyên giá</b>								
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>96.975.008.926</b>	<b>42.955.157.901</b>	<b>54.856.993.716</b>	<b>1.527.785.348</b>	<b>4.048.180.728</b>	<b>200.363.126.619</b>		
- Mua trong năm	0	9.525.504.959	754.948.750	35.000.000	0	10.315.453.709		
- Đầu tư XDCB hoàn thành	23.156.549.637	85.131.462.680	0	0	0	108.288.012.317		
- Phân loại lại	0	358.474.527	(358.474.527)	0	0	0		
- Thanh lý, nhượng bán	(2.181.485.052)	(1.650.002.628)	(6.419.543.418)	0	0	(10.251.031.098)		
- Giảm khác	0	0	0	0	0	0		
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>117.950.073.511</b>	<b>136.320.597.439</b>	<b>48.833.924.521</b>	<b>1.562.785.348</b>	<b>4.048.180.728</b>	<b>308.715.561.547</b>		
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>								
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>60.626.258.575</b>	<b>35.805.040.502</b>	<b>19.450.262.915</b>	<b>1.511.677.166</b>	<b>4.048.180.728</b>	<b>121.441.419.886</b>		
- Khấu hao trong năm	4.051.795.574	6.936.677.442	4.080.601.837	13.364.751	0	15.082.439.604		
- Phân loại lại	(22.897.283)	22.897.283	0	0	0	0		
- Thanh lý, nhượng bán	(1.525.930.725)	(1.650.002.628)	(4.415.254.228)	0	0	(7.591.187.581)		
- Giảm khác	0	0	0	0	0	0		
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>63.129.226.141</b>	<b>41.114.612.599</b>	<b>19.115.610.524</b>	<b>1.525.041.917</b>	<b>4.048.180.728</b>	<b>128.932.671.909</b>		
<b>III. Giá trị còn lại</b>								
<b>1. Tại ngày đầu năm</b>	<b>36.348.750.351</b>	<b>7.150.117.399</b>	<b>35.406.730.801</b>	<b>16.108.182</b>	<b>0</b>	<b>78.921.706.733</b>		
<b>2. Tại ngày cuối năm</b>	<b>54.820.847.370</b>	<b>95.205.984.840</b>	<b>29.718.313.997</b>	<b>37.743.431</b>	<b>0</b>	<b>179.782.889.638</b>		

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 90.593.930.912 đồng.

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 108.606.693.397 VND và 57.584.263.105 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>		
<i>Số dư đầu năm</i>	<b>158.939.000</b>	<b>158.939.000</b>
- Mua trong năm	0	0
- Tăng khác	0	0
- Thanh lý, nhượng bán	0	0
- Giảm khác	0	0
<i>Số dư cuối năm</i>	<b>158.939.000</b>	<b>158.939.000</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
<i>Số dư đầu năm</i>	<b>154.225.250</b>	<b>154.225.250</b>
- Khấu hao trong năm	4.713.750	4.713.750
- Tăng khác	0	0
- Thanh lý, nhượng bán	0	0
- Giảm khác	0	0
<i>Số dư cuối năm</i>	<b>158.939.000</b>	<b>158.939.000</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>		
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<b>4.713.750</b>	<b>4.713.750</b>
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	<b>0</b>	<b>0</b>

**11. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
<b>I. Nguyên giá bất động sản đầu tư</b>	<b>7.369.427.959</b>	<b>568.797.590</b>	-	<b>7.938.225.549</b>
- Nhà	7.369.427.959	568.797.590	-	7.938.225.549
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>	<b>1.896.795.288</b>	<b>659.124.850</b>	-	<b>2.555.920.138</b>
- Nhà	1.896.795.288	659.124.850	-	2.555.920.138
<b>III. Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư</b>	<b>5.472.632.671</b>	<b>568.797.590</b>	<b>659.124.850</b>	<b>5.382.305.411</b>
- Nhà	5.472.632.671	568.797.590	659.124.850	5.382.305.411

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 05 – “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cần được trình bày. Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 để trình bày trên thuyết minh Báo cáo tài chính do không có giao dịch thị trường nào gần đây cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**12. Chi phí trả trước**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>8.381.210.215</b>	<b>5.411.187.000</b>
- Giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng	201.035.758	1.175.139.067
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định	248.590.533	0
- Chi phí vận chuyển hàng gửi bán	3.501.555.498	2.593.060.905
- Các khoản khác	4.430.028.426	1.642.987.028
<b>b. Dài hạn</b>	<b>24.714.865.739</b>	<b>24.055.677.841</b>
- Giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.963.343.044	3.796.930.635
- Chi phí sửa chữa	4.263.928.723	4.415.246.193
- Chi phí đền bù, san lấp mặt bằng	14.520.794.206	14.933.580.276
- Chi phí trả trước dài hạn khác	2.966.799.766	909.920.737
<b>Cộng</b>	<b>33.096.075.954</b>	<b>29.466.864.841</b>

**13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	0	0
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	84.347.642	71.330.754
- Số bù trừ với khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả	0	0
<b>Tổng</b>	<b>84.347.642</b>	<b>71.330.754</b>

**14. Lợi thế thương mại**

	Giá trị lợi thế thương mại đầu năm	Giá trị lợi thế thương mại phát sinh tăng	Số đã phân bổ trong năm	Giá trị còn lại cuối năm
- Lợi thế thương mại do đầu tư vào Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Tư vấn thiết kế 30-4	13.892.902.451	0	1.736.612.806	12.156.289.645
<b>Cộng</b>	<b>13.892.902.451</b>	<b>0</b>	<b>1.736.612.806</b>	<b>12.156.289.645</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**  
Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>15. Vay và nợ thuê tài chính</b>						
a. Vay ngắn hạn	1.133.744.358.648	1.133.744.358.648	2.413.823.494.738	2.386.749.727.095	1.160.818.126.291	1.160.818.126.291
- Vay ngắn hạn	1.086.647.995.012	1.086.647.995.012	2.317.158.131.102	2.303.658.363.459	1.100.147.762.655	1.100.147.762.655
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam <sup>(a)</sup>	387.796.155.259	387.796.155.259	173.659.362.504	551.239.353.559	10.216.164.204	10.216.164.204
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam <sup>(b)</sup>	482.477.664.284	482.477.664.284	1.124.444.518.189	1.166.011.482.262	440.910.700.211	440.910.700.211
+ Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà TP. Hồ Chí Minh <sup>(c)</sup>	35.282.312.000	35.282.312.000	42.135.026.481	51.344.278.000	26.073.060.481	26.073.060.481
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam <sup>(d)</sup>	60.472.564.243	60.472.564.243	333.081.276.683	169.832.429.298	223.721.411.628	223.721.411.628
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam <sup>(e)</sup>	120.619.299.226	120.619.299.226	109.371.920.947	209.233.416.426	20.757.803.747	20.757.803.747
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong <sup>(f)</sup>	0	0	302.548.270.294	60.674.355.741	241.873.914.553	241.873.914.553
+ Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam <sup>(g)</sup>	0	0	199.054.686.254	93.086.386.053	105.968.300.201	105.968.300.201
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Minh Khai	0	0	32.863.069.750	2.236.662.120	30.626.407.630	30.626.407.630
- Vay đối tượng khác	38.960.000.000	38.960.000.000	75.865.000.000	75.177.000.000	39.648.000.000	39.648.000.000
+ Công ty TNHH MTV Đông Phát	0	0	9.300.000.000	0	9.300.000.000	9.300.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
+ Vay cá nhân <sup>(b)</sup>	38.960.000.000	38.960.000.000	66.565.000.000	75.177.000.000	30.348.000.000	30.348.000.000
- Vay dài hạn đến hạn trả	8.136.363.636	8.136.363.636	20.800.363.636	7.914.363.636	21.022.363.636	21.022.363.636
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam <sup>(i)</sup>	4.400.000.000	4.400.000.000	4.400.000.000	4.400.000.000	4.400.000.000	4.400.000.000
+ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng <sup>(k)</sup>	0	0	11.000.000.000	0	11.000.000.000	11.000.000.000
+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Hoàng Mai	3.616.363.636	3.616.363.636	3.514.363.636	3.394.363.636	3.736.363.636	3.736.363.636
+ Công ty Cổ phần Đầu tư TM H&H Hà Nội <sup>(l)</sup>	0	0	1.766.000.000	0	1.766.000.000	1.766.000.000
+ Công ty Cổ phần Đại lý Thủ đô	120.000.000	120.000.000	120.000.000	120.000.000	120.000.000	120.000.000
<b>b. Vay dài hạn</b>	<b>24.317.113.638</b>	<b>24.317.113.638</b>	<b>60.300.000.000</b>	<b>20.800.363.636</b>	<b>63.816.750.002</b>	<b>63.816.750.002</b>
- Vay ngân hàng	12.110.000.000	12.110.000.000	0	4.400.000.000	63.816.750.002	7.710.000.000
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam <sup>(i)</sup>	12.110.000.000	12.110.000.000	0	4.400.000.000	7.710.000.000	7.710.000.000
+ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng <sup>(k)</sup>	0	0	55.000.000.000	11.000.000.000	44.000.000.000	44.000.000.000
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt	11.937.113.638	11.937.113.638	0	3.514.363.636	8.422.750.002	8.422.750.002

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Nam						
- <i>Vay đối tượng khác</i>	270.000.000	270.000.000	5.300.000.000	1.886.000.000	3.684.000.000	3.684.000.000
+ Công ty Cổ phần Đại lý Thủ đô	270.000.000	270.000.000	0	120.000.000	150.000.000	150.000.000
+ Công ty Cổ phần Đầu tư TM H&H Hà Nội <sup>(d)</sup>	0	0	5.300.000.000	1.766.000.000	3.534.000.000	3.534.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.158.061.472.286</b>	<b>1.158.061.472.286</b>	<b>2.474.123.494.738</b>	<b>2.407.550.090.731</b>	<b>1.224.634.876.293</b>	<b>1.224.634.876.293</b>

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

- (a): Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam với lãi suất từ 8,0%/năm đến 8,5%/năm, được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản có định tại Nhà máy ô tô Cửu Long, một số tài sản hình thành từ vốn vay và quyền thuê đất và tài sản trên đất thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI453860 do UBND tỉnh Hưng Yên cấp.
- (b): Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) với lãi suất từ 8,0%/năm đến 9,5%/năm, được đảm bảo bằng việc thế chấp một số hàng tồn kho tại Nhà máy ô tô Cửu Long, đất và tài sản trên đất tại lô đất 1.300m<sup>2</sup> tại Triều Khúc, Thanh Xuân, Hà Nội, 100% khối lượng thanh toán của các hợp đồng kinh tế đã ký giữa Công ty và các đối tác mà Công ty là người thụ hưởng về tài khoản tiền gửi của Công ty tại BIDV và 100% số dư tài khoản tiền gửi của Công ty tại BIDV.
- (c): Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà TP. Hồ Chí Minh với lãi suất 8,5%/năm đến 10,25%/năm, được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng tồn kho tại Nhà máy ô tô Cửu Long.
- (d): Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam với lãi suất từ 7,5%/năm đến 8,0%/năm, được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản có định tại Nhà máy ô tô Cửu Long, một số tài sản hình thành từ vốn vay và quyền thuê đất và tài sản trên đất thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI453861 do UBND tỉnh Hưng Yên cấp.
- (e): Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam với lãi suất 7,5%/năm, được đảm bảo bằng hàng tồn kho tại Nhà máy ô tô Cửu Long.
- (f): Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Tiên Phong với lãi suất 7,5%/năm đến 7,8%/năm, được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng tồn kho tại Nhà máy ô tô Cửu Long.
- (g): Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam với lãi suất 7,5%/năm đến 9%/năm, được đảm bảo bằng hàng tồn kho tại Nhà máy ô tô Cửu Long.

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

- (b): Khoản vay ngắn hạn cá nhân với thời hạn vay 12 tháng, lãi suất từ 6,1% đến 9%/năm và được đảm bảo bằng tín chấp.
- (c): Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số 1200-LAV-201500685 ngày 27 tháng 7 năm 2015 tại Agribank - Sở giao dịch với mục đích cải tạo, phục hồi thiết bị vận hành, chạy thử và đưa vào dây chuyền sơn ED với thời hạn vay tối đa 04 năm, kỳ hạn trả nợ gốc 3 tháng 1 lần vào ngày 25, kỳ hạn trả nợ lãi cùng kỳ trả nợ gốc. Lãi suất bằng lãi suất huy động trả sau + 3,7%/năm, định kỳ điều chỉnh 3 tháng/lần. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản là 01 dây chuyền sơn ED.
- (k): Khoản vay theo Hợp đồng cho vay số 399/2016/HDCV/PVBHBT\_TMT ngày 28 tháng 10 năm 2016 với mục đích hoàn vốn chi phí đối với khoản đầu tư vào nhà máy sản xuất lắp ráp xe ô tô tải hạng trung, hạng nặng, thời hạn cho vay 05 năm được đảm bảo bằng quyền tài sản phát sinh từ quyền thuê đất tại huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên và một số máy móc thiết bị tại Nhà máy ô tô Cửu Long. Lãi suất vay áp dụng trong năm là 10,75%/năm.
- (l): Khoản vay theo Hợp đồng vay vốn số 04/2016/TMT-VVTC ngày 06 tháng 10 năm 2016 với thời hạn cho vay là 36 tháng từ ngày 07 tháng 10 năm 2016 và trả gốc 06 tháng một lần. Lãi suất vay áp dụng trong năm là 9%/năm.

Đơn vị tính: VND

**16. Phải trả người bán**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>207.152.178.906</b>	<b>207.152.178.906</b>	<b>243.133.636.222</b>	<b>243.133.636.222</b>
- Dongfeng Industrial Motor Co.,Ltd	85.211.810	85.211.810	35.677.519.200	35.677.519.200
- Guangxi Qinzhou Lishun Machinery Co.,Ltd	11.192.170.995	11.192.170.995	0	0
- Công ty Sinotruck - Hồng Kông	42.363.070.931	42.363.070.931	82.750.497.480	82.750.497.480
- Hubei Tri-ring Special Vehicle Co.,Ltd	5.368.850.880	5.368.850.880	10.708.857.788	10.708.857.788
- Shangdong Tangjun Ouling Automobile Manufacture	19.957.564.560	19.957.564.560	0	0
- Dongfeng Liuzhou Motor Co.,Ltd	22.174.670.000	22.174.670.000	0	0
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	106.010.639.730	106.010.639.730	113.996.761.754	113.996.761.754
<b>b. Phải trả người bán dài hạn</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>Cộng</b>	<b>207.152.178.906</b>	<b>207.152.178.906</b>	<b>243.133.636.222</b>	<b>243.133.636.222</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**  
 Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội  
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	0	531.041.632	9.640.174.349	6.850.144.508	611.434	3.321.071.473
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	0	0	167.510.302.597	167.511.763.800	1.461.203	0
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	0	0	367.629.199	367.629.199	0	0
- Thuế xuất, nhập khẩu	0	0	111.170.271.447	111.184.883.468	14.612.021	0
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	462.037.172	19.346.615.589	13.395.642.894	20.064.278.221	0	12.215.943.090
- Thuế thu nhập cá nhân	0	256.941.648	10.448.240.615	10.298.832.338	0	406.349.925
- Thuế tài nguyên	0	0	3.296.349	2.798.345	0	610.000
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	4.222.868	3.536.080.235	14.164.235.008	16.552.135.498	2.107.687	1.145.884.564
- Các loại thuế khác	0	344.509.459	1.172.470.952	1.516.980.411	0	0
<b>Cộng</b>	<b>466.260.040</b>	<b>24.015.188.563</b>	<b>327.872.263.410</b>	<b>334.349.445.788</b>	<b>18.792.345</b>	<b>17.089.859.052</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**18. Chi phí phải trả**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>8.040.746.143</b>	<b>12.363.836.049</b>
- Chi phí lãi vay	923.566.342	4.036.911.781
- Chi phí vận chuyển	3.073.831.231	3.830.929.635
- Các khoản trích trước khác	4.043.348.570	4.495.994.633
<b>b. Dài hạn</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>Cộng</b>	<b>8.040.746.143</b>	<b>12.363.836.049</b>

**19. Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>8.697.509.291</b>	<b>10.030.522.627</b>
- Kinh phí công đoàn	5.176.183.168	4.253.621.481
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1.560.795.165	4.459.009.213
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.960.530.958	1.317.891.933
<b>b. Dài hạn</b>	<b>17.349.400.000</b>	<b>14.710.400.000</b>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	17.339.000.000	14.700.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	10.400.000	10.400.000
<b>Cộng</b>	<b>26.046.909.291</b>	<b>24.740.922.627</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**20. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>308.391.170.000</b>	<b>956.560.833</b>	<b>483.226.387</b>	<b>(8.680.989.647)</b>	<b>2.010.665.024</b>	<b>8.038.514.606</b>	<b>14.655.353.384</b>	<b>325.854.500.587</b>
Tăng vốn trong năm trước	0	0	0	0	0	0	0	0
Lãi/(lỗ) trong năm trước	0	0	0	0	0	186.624.647.792	152.649.940	186.777.297.732
Tăng khác	0	0	0	0	0	0	53.516.913	53.516.913
Phân phối lợi nhuận trong năm trước tại Công ty mẹ	0	0	0	0	3.732.600.836	(123.996.356.984)	0	(120.263.756.148)
Phân phối lợi nhuận trong năm trước tại Công ty con	0	0	0	0	216.670.942	(615.927.158)	(1.670.363.898)	(2.069.620.114)
Giảm khác	0	0	0	0	0	(53.516.913)	0	(53.516.913)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>308.391.170.000</b>	<b>956.560.833</b>	<b>483.226.387</b>	<b>(8.680.989.647)</b>	<b>5.959.936.802</b>	<b>69.997.361.342</b>	<b>13.191.156.340</b>	<b>390.298.422.057</b>
Tăng vốn trong năm nay	0	0	0	0	0	0	19.408.714.077	19.408.714.077
Lợi nhuận trong năm nay	0	0	0	0	0	47.589.636.091	647.747.774	48.237.383.865
Phân phối lợi nhuận trong năm tại Công ty mẹ (*)	30.962.890.000	0	0	0	9.331.232.390	(68.287.819.559)	0	(27.993.697.169)
Tạm ứng cổ tức năm 2016 tại Công ty mẹ	33.522.740.000	0	0	0	0	(33.522.740.000)	0	0
Phân phối lợi nhuận trong năm tại Công ty con	0	0	0	0	6.374.497	(108.366.448)	(86.297.166)	(188.289.117)
Tăng/giảm khác do thay đổi tỷ lệ sở hữu	0	0	0	0	169.671.066	(3.344.218.470)	3.106.593.325	(67.954.079)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>372.876.800.000</b>	<b>956.560.833</b>	<b>483.226.387</b>	<b>(8.680.989.647)</b>	<b>15.467.214.755</b>	<b>12.323.852.956</b>	<b>36.267.914.350</b>	<b>429.694.579.634</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

(\*): Trong đó:

	<b>Số tiền</b>
	<b>VND</b>
<b>Phân phối lợi nhuận năm 2015</b>	
Trích quỹ Đầu tư phát triển	9.331.232.390
Trích quỹ Khen thưởng, phúc lợi	9.331.232.390
Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu	15.962.890.000
Thưởng Ban điều hành bằng cổ phiếu	15.000.000.000
Thưởng cho Tổng Giám đốc do hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch	18.662.464.779
<b>Cộng</b>	<b>68.287.819.559</b>

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Tỷ lệ</b>	<b>Số đầu năm</b>	<b>Tỷ lệ</b>
	<b>VND</b>	<b>%</b>	<b>VND</b>	<b>%</b>
- Tổng Công ty công nghiệp ô tô Việt Nam	72.107.530.000	19	66.501.720.000	22
- Các đối tượng khác	300.769.270.000	81	241.889.450.000	78
<b>Cộng</b>	<b>372.876.800.000</b>	<b>100</b>	<b>308.391.170.000</b>	<b>100</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	308.391.170.000	308.391.170.000
+ Vốn góp tăng trong năm	64.485.630.000	0
+ Vốn góp giảm trong năm	0	0
+ Vốn góp cuối năm	372.876.800.000	308.391.170.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	49.485.630.000	117.153.255.450

**d. Cổ phiếu**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	37.287.680	30.839.117
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	37.287.680	30.839.117
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	37.287.680	30.839.117
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	0	0
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	409.700	409.700
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	409.700	409.700
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	0	0
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	36.877.980	30.429.417
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	36.877.980	30.429.417
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	0	0

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**e. Các quỹ của Công ty**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Quỹ đầu tư phát triển	15.467.214.755	5.959.936.802
<b>Cộng</b>	<b>15.467.214.755</b>	<b>5.959.936.802</b>

**01. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán hợp nhất**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngoại tệ các loại		
- USD	1.756,34	1.937,94
- EUR	325,45	1.633,45
Nợ khó đòi đã xử lý	11.319.786.900	11.319.786.900

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Doanh thu bán hàng	249.998.945.325	867.419.569.462
- Doanh thu bán thành phẩm	2.228.141.416.482	2.437.549.505.779
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	18.981.395.609	26.439.239.552
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	16.403.015.604	11.930.046.649
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	14.768.586.600	21.709.813.036
<b>Cộng</b>	<b>2.528.293.359.620</b>	<b>3.365.048.174.478</b>

**02. Giảm trừ doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Hàng bán bị trả lại	331.412.963	0
<b>Cộng</b>	<b>331.412.963</b>	<b>0</b>

**03. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	235.721.479.613	756.425.625.818
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.954.049.568.806	2.087.799.597.290
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	19.076.813.575	23.272.039.239
- Giá vốn của hợp đồng xây dựng	17.850.373.812	19.489.615.377
- Chi phí kinh doanh Bất động sản đầu tư	10.473.640.338	10.926.783.767
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	134.242.839	1.295.305.331
<b>Cộng</b>	<b>2.237.306.118.983</b>	<b>2.899.208.966.822</b>

**04. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.375.096.292	1.833.598.216
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	0	30.012.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá	1.474.675.309	1.188.491.864
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	5.662.280	11.688.686
<b>Cộng</b>	<b>2.855.433.881</b>	<b>3.063.790.766</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**05. Chi phí tài chính**

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	101.923.672.422	38.224.873.147
- Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	1.332.335.430	5.150.980.000
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	5.184.637.775	43.925.157.707
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	(69.300)	24.600
- Chi phí tài chính khác	5.661.000	0
<b>Cộng</b>	<b>108.446.237.327</b>	<b>87.301.035.454</b>

**06. Thu nhập khác**

	Năm nay	Năm trước
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	6.377.250.218	3.971.534.457
- Lãi vay các năm trước được xóa	2.026.040.447	0
- Các khoản khác	1.941.037.804	619.093.696
<b>Cộng</b>	<b>10.344.328.469</b>	<b>4.590.628.153</b>

**07. Chi phí khác**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế đất bổ sung của những năm trước	805.987.222	5.009.129.819
- Tiền phạt vi phạm hành chính, chậm nộp bảo hiểm, phạt chậm nộp	2.715.093.020	0
- Thuế nhập khẩu truy nộp	0	2.105.273.860
- Các khoản khác	1.756.530.281	1.025.755.108
<b>Cộng</b>	<b>5.277.610.523</b>	<b>8.140.158.787</b>

**08. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay	Năm trước
<b>a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh</b>	<b>57.691.315.675</b>	<b>66.465.113.266</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	26.159.664.809	21.315.977.852
- Chi phí khấu hao TSCĐ	171.256.143	290.637.067
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.943.677.745	32.724.408.487
- Phí, lệ phí	213.296.661	205.907.836
- Chi phí dự phòng	(83.416.933)	3.521.178.481
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	9.286.837.250	8.407.003.543
<b>b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh</b>	<b>70.820.416.628</b>	<b>76.980.814.581</b>
- Chi phí nhân viên	11.501.289.374	5.887.441.771
- Chi phí khấu hao TSCĐ	169.816.132	278.756.395
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.368.144.368	20.740.356.306
- Chi phí bảo hành, khuyến mại	6.495.996.618	9.961.030.000
- Chi phí trả cho nhân viên của đại lý	22.030.291.300	37.525.502.344
- Chi phí khác	3.254.878.836	2.587.727.765
<b>Cộng</b>	<b>128.511.732.303</b>	<b>143.445.927.847</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	13.395.642.894	47.900.537.509
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	0	0
<b>- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b><u>13.395.642.894</u></b>	<b><u>47.900.537.509</u></b>

**10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(84.347.642)	(71.330.754)
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	71.330.754	0
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b><u>(13.016.888)</u></b>	<b><u>(71.330.754)</u></b>

**11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	47.589.636.091	186.624.647.792
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	0	0
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	47.589.636.091	186.624.647.792
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	0	43.095.689.120
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	36.877.980	32.025.706
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>1.290</u></b>	<b><u>4.482</u></b>

(\*) : Công ty chưa có cơ sở để tạm tính quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2016.

**12. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	47.589.636.091	186.624.647.792
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	0	0
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	47.589.636.091	186.624.647.792
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	0	0
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	0	43.095.689.120
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	36.877.980	32.025.706
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	0	0
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b><u>1.290</u></b>	<b><u>4.482</u></b>

(\*) : Công ty chưa có cơ sở để tạm tính quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2016.

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**13. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.032.586.518.622	2.550.659.111.049
- Chi phí nhân công	110.512.288.588	109.574.149.600
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.746.278.204	7.881.408.232
- Chi phí trả cho nhân viên đại lý	22.030.291.300	37.525.502.344
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	70.960.376.527	87.303.806.434
- Chi phí khác bằng tiền	19.972.074.296	41.839.030.451
<b>Cộng</b>	<b><u>2.271.807.827.537</u></b>	<b><u>2.834.783.008.110</u></b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT****01. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính.	0	1.384.911.835

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2016 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

**02. Giao dịch với các bên liên quan*****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan***

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Trưởng phòng Tài chính Kế toán và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Ông Bùi Văn Hữu - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc</b>		
- Trả nợ vay ngắn hạn	66.270.000.000	52.450.000.000
- Vay ngắn hạn	58.670.000.000	15.250.000.000
- Chi phí lãi vay	1.242.280.075	1.092.214.689
- Thưởng từ lợi nhuận sau thuế	18.662.464.779	0

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Ông Bùi Văn Hữu - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc</b>		
+ Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	29.600.000.000	37.200.000.000
+ Lãi vay phải trả	170.200.000	942.566.667
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b><u>29.770.200.000</u></b>	<b><u>38.142.566.667</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương, thưởng, phụ cấp	24.081.322.979	4.813.952.684
<b>Cộng</b>	<b>24.081.322.979</b>	<b>4.813.952.684</b>

**Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty.

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại H&H Hà Nội	Cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị

Các nghiệp vụ khác phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại H&amp;H Hà Nội</b>		
Vay dài hạn	5.300.000.000	0
Lãi vay phải trả	112.625.000	0

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các công nợ khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại H&amp;H Hà Nội</b>		
- Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	1.766.000.000	0
- Vay và nợ dài hạn	3.534.000.000	0
- Chi phí phải trả	112.625.000	0
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b>5.412.625.000</b>	<b>0</b>

**03. Thay đổi chính sách kế toán****Điều chỉnh hồi tố**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2015 được điều chỉnh lại do số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi được trừ khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo quy định tại thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Công ty phân phối lợi nhuận năm 2015 đã trả cổ tức bằng cổ phiếu là 15.962.890.000 đồng. Số liệu điều chỉnh lại cụ thể như sau:

	<u>Mã số</u>	<u>Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước</u>	<u>Số điều chỉnh</u>	<u>Số liệu sau điều chỉnh</u>
<b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.133	(1.651)	4.482
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.133	(1.651)	4.482

**04. Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

**Lĩnh vực kinh doanh:**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Sản xuất: Sản xuất và lắp ráp xe ô tô;
- Dịch vụ: Dịch vụ vận tải;
- Thương mại: Kinh doanh thương mại xe ô tô;
- Gia công cấu kiện thép;
- Lĩnh vực khác: Xây dựng công trình giao thông; kinh doanh bất động sản và dịch khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>					
	Sản xuất, lắp ráp ô tô	Dịch vụ vận tải	Kinh doanh xe ô tô	Gia công cấu kiện thép	Lĩnh vực khác	Cộng
<b>Năm nay</b>						
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	2.222.590.037.383	18.931.892.216	248.410.600.374	5.219.966.136	32.809.450.548	2.527.961.946.657
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	0	0	0	0	0	0
- Chi phí phân bổ	2.155.320.173.129	20.570.913.648	257.644.337.594	5.170.529.995	32.702.700.366	2.471.408.654.732
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	67.269.864.254	(1.639.021.432)	(9.233.737.220)	49.436.141	106.750.182	56.553.291.925
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	144.390.303.073	385.033.273	11.911.108.223	1.847.745.707	738.090.661	159.272.280.937
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	16.928.488.640	2.389.163.616	72.633.493	1.085.006.915	969.664.541	21.444.957.205
<b>Số dư cuối năm</b>						
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.677.197.476.423	4.159.965.619	291.476.374.140	1.146.999.962	7.209.326.182	1.981.190.142.326
- Tài sản không phân bổ						40.707.236.879
<b>Tổng tài sản</b>	<b>1.677.197.476.423</b>	<b>4.159.965.619</b>	<b>291.476.374.140</b>	<b>1.146.999.962</b>	<b>7.209.326.182</b>	<b>2.021.897.379.205</b>
- Nợ phải trả bộ phận	1.360.440.386.743	11.277.088.624	190.332.873.608	3.109.357.483	19.543.481.301	1.584.703.187.759
- Nợ phải trả không phân bổ						7.499.611.812
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>1.360.440.386.743</b>	<b>11.277.088.624</b>	<b>190.332.873.608</b>	<b>3.109.357.483</b>	<b>19.543.481.301</b>	<b>1.592.202.799.571</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Sản xuất, lắp ráp ô tô	Dịch vụ vận tải	Kinh doanh xe ô tô	Gia công cấu kiện thép	Lĩnh vực khác	Cộng
<b>Năm trước</b>						
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	2.419.961.378.805	26.027.968.320	867.419.569.462	17.588.126.974	34.051.130.917	3.365.048.174.478
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	0	0	0	0	0	0
- Chi phí phân bổ	2.242.855.733.704	24.140.436.076	814.920.230.145	14.184.420.563	30.791.318.869	3.126.892.139.357
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	177.105.645.101	1.887.532.244	52.499.339.317	3.403.706.411	3.259.812.048	238.156.035.121
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	50.814.655.947	4.385.026.633	15.166.541.213	2.695.869.488	2.292.044.665	75.354.137.946
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	6.528.522.941	1.112.341.306	1.570.451.987	640.285.357	552.952.455	10.404.554.046
<b>Số dư cuối năm trước</b>						
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.294.437.523.704	29.645.829.062	599.715.300.946	5.557.148.182	14.707.622.833	1.944.063.424.727
- Tài sản không phân bổ					52.049.716.923	52.049.716.923
<b>Tổng tài sản</b>	<b>1.294.437.523.704</b>	<b>29.645.829.062</b>	<b>599.715.300.946</b>	<b>5.557.148.182</b>	<b>14.707.622.833</b>	<b>1.996.113.141.650</b>
- Nợ phải trả bộ phận	1.223.196.007.348	8.058.406.163	355.003.990.482	5.445.383.561	10.542.422.669	1.602.246.210.223
- Nợ phải trả không phân bổ					3.568.509.370	3.568.509.370
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>1.223.196.007.348</b>	<b>8.058.406.163</b>	<b>355.003.990.482</b>	<b>5.445.383.561</b>	<b>10.542.422.669</b>	<b>1.605.814.719.593</b>

**Khu vực địa lý:**

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**  
Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**05. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị ghi số	Dự phòng	Giá trị ghi số	Dự phòng		
<b>Tài sản tài chính</b>						
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.504.936.934	0	25.832.591.284	0	14.504.936.934	25.832.591.284
Phải thu khách hàng và phải thu khác	72.716.035.867	(4.774.018.798)	37.523.418.892	(7.060.227.991)	67.942.017.069	30.463.190.901
Phải thu về cho vay	13.195.500.000	0	11.325.500.000	0	13.195.500.000	11.325.500.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	350.000.000	0	350.000.000	0	350.000.000	350.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	501.073.530	(563.230)	501.073.530	(632.530)	500.510.300	500.441.000
<b>Cộng</b>	<b>101.267.546.331</b>	<b>(4.774.582.028)</b>	<b>75.532.583.706</b>	<b>(7.060.860.521)</b>	<b>96.492.964.303</b>	<b>68.471.723.185</b>

**Nợ phải trả tài chính**

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho người bán	207.152.178.906	243.133.636.222	207.152.178.906	243.133.636.222
Vay và nợ	1.224.634.876.293	1.158.061.472.286	1.224.634.876.293	1.158.061.472.286
Chi phí phải trả	8.040.746.143	12.363.836.049	8.040.746.143	12.363.836.049
Các khoản phải trả khác	19.309.930.958	16.028.291.933	19.309.930.958	16.028.291.933
<b>Cộng</b>	<b>1.459.137.732.300</b>	<b>1.429.587.236.490</b>	<b>1.459.137.732.300</b>	<b>1.429.587.236.490</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

### 06. Tài sản đảm bảo

#### *Tài sản thế chấp cho đơn vị khác*

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.09 và V.15). Giá trị sổ sách của tài sản cố định đã thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại ngân hàng của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2016 là 31.154.531.798 đồng.

#### *Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác*

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và vào ngày 01 tháng 01 năm 2016.

### 07. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

#### *Phải thu khách hàng*

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

#### *Tiền gửi ngân hàng*

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

#### *Các khoản cho vay*

Công ty cho các công ty con và các thành viên quản lý chủ chốt vay tiền. Công ty đánh giá các khoản cho vay này đều trong hạn và không bị suy giảm vì liên quan đến các đơn vị có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

### 08. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Đơn vị tính: VND Cộng
<b>Số cuối năm</b>				
Phải trả cho người bán	207.152.178.906	0	0	207.152.178.906
Vay và nợ	1.160.818.126.291	63.816.750.002	0	1.224.634.876.293
Chi phí phải trả	8.040.746.143	0	0	8.040.746.143
Các khoản phải trả khác	1.960.530.958	17.349.400.000	0	19.309.930.958
<b>Cộng</b>	<b>1.377.971.582.298</b>	<b>81.166.150.002</b>	<b>0</b>	<b>1.459.137.732.300</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
<b>Số đầu năm</b>				
Phải trả cho người bán	243.133.636.222	0	0	243.133.636.222
Vay và nợ	1.133.744.358.648	24.317.113.638	0	1.158.061.472.286
Chi phí phải trả	12.363.836.049	0	0	12.363.836.049
Các khoản phải trả khác	1.317.891.933	14.710.400.000	0	16.028.291.933
<b>Cộng</b>	<b>1.390.559.722.852</b>	<b>39.027.513.638</b>	<b>0</b>	<b>1.429.587.236.490</b>

**09. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

**Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

**Rủi ro về giá khác**

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

**10. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

**11. Thông tin về hoạt động liên tục**

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2017

Người lập biểu

Trưởng phòng Tài chính Kế toán

Tổng Giám đốc






Hoàng Thị Loan

Ngô Văn Hán

Bùi Văn Hữu